

Sự hài lòng với môi trường sống tự nhiên của người dân đô thị ở Việt Nam

Nguyễn Thị Nga¹

Ngày nhận bài: 15/7/2026 | Ngày gửi phản biện: 20/7/2026 | Ngày duyệt đăng: 24/8/2026

Tóm tắt: *Bằng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp, nghiên cứu trung hệ thống hóa các khái niệm về sự hài lòng và môi trường sống tự nhiên của người dân đô thị. Trên cơ sở đó, nghiên cứu chỉ ra rằng đặc điểm của môi trường sống tự nhiên ở các đô thị Việt Nam trong bối cảnh đô thị hóa, đồng thời cũng xác định các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân, bao gồm chất lượng không khí, hệ thống cây xanh, chất lượng nguồn nước, vệ sinh môi trường, mức độ tiếng ồn và an toàn môi trường, cùng với hiệu quả quản lý đô thị. Sự hài lòng của người dân là chỉ báo tổng hợp, nó phản ánh không chỉ chất lượng môi trường tự nhiên mà còn phản ánh hiệu quả của công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị. Những phân tích trong bài viết góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc đánh giá sự hài lòng của người dân về môi trường sống tự nhiên và cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, hướng tới phát triển đô thị xanh, bền vững và nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị.*

Từ khóa: *Sự hài lòng, môi trường sống tự nhiên, đô thị, đô thị hóa, quản lý đô thị.*

Urban Residents' Satisfaction with the Natural Living Environment in Vietnam

Abstract: *Using a secondary data analysis approach, this paper systematizes the concepts of residents' satisfaction and the natural living environment in urban areas. Based on a comprehensive review of the literature, it identifies the characteristics of the natural living environment in Vietnamese cities in the context of urbanization and examines the key factors influencing residents' satisfaction, including air quality, urban greenery, water quality, environmental sanitation, noise levels and environmental safety, as well as the effectiveness of urban governance. Residents' satisfaction is regarded as a composite indicator that reflects not only the quality of the natural living environment but also the effectiveness of urban planning, governance, and development. The analysis contributes to strengthening the theoretical foundation for assessing residents' satisfaction with the natural living environment and provides a scientific basis for policy formulation aimed at promoting green and sustainable urban development while enhancing the quality of life of urban residents.*

Keywords: *Residents' satisfaction, natural living environment, urban areas, urbanization, urban governance.*

1. Đặt vấn đề

Quá trình đô thị hóa nhanh ở Việt Nam đã tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời làm thay đổi đáng kể môi trường sống tự nhiên tại các đô thị. Bên cạnh những thành tựu về hạ tầng và chất lượng dịch vụ, các vấn đề như ô nhiễm không khí, suy giảm không gian xanh, ô nhiễm nguồn nước, tiếng ồn và áp lực lên môi trường đang đặt ra thách thức với chất lượng sống của người dân. Sự

¹ Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới; Email: nganguyen204@gmail.com

hài lòng của người dân về môi trường sống tự nhiên không chỉ phản ánh cảm nhận của cư dân với điều kiện môi trường sống mà còn là một chỉ báo quan trọng đánh giá hiệu quả quản lý và phát triển đô thị. Việc hệ thống hóa các khái niệm, phân tích đặc điểm của môi trường sống tự nhiên trong bối cảnh đô thị hóa ở Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân đã cung cấp cơ sở lý luận cho nghiên cứu và đánh giá mức độ hài lòng đối với môi trường sống tự nhiên ở đô thị.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về sự hài lòng với môi trường sống tự nhiên

Sự hài lòng là một khái niệm được nghiên cứu rộng rãi trong tâm lý học, xã hội học, quản lý công và nghiên cứu chất lượng sống. Theo cách tiếp cận kỳ vọng–đánh giá, sự hài lòng được hình thành khi cá nhân so sánh giữa nhu cầu, kỳ vọng hoặc khát vọng của mình với điều kiện và kết quả thực tế nhận được. Campbell, Converse và Rodgers (1976) xem sự hài lòng là kết quả của quá trình đánh giá giữa điều con người mong đợi và điều họ trải nghiệm trong thực tế. Theo Oliver (1980), sự hài lòng là một trạng thái tâm lý–cảm xúc phản ánh mức độ đáp ứng của kết quả thực tế đối với kỳ vọng ban đầu. Diener, Emmons, Larsen và Griffin (1985) cũng xem sự hài lòng là một thành tố quan trọng của hạnh phúc chủ quan và chất lượng cuộc sống.

Trong nghiên cứu môi trường sống, sự hài lòng không chỉ là phản ứng cảm xúc tức thời, mà là đánh giá tổng hợp của cư dân đối với các điều kiện sống có tác động trực tiếp đến sức khỏe, an toàn, sinh hoạt và đời sống tinh thần. Andrews (1974) cho rằng sự hài lòng có tính đa chiều, được hình thành từ nhận thức và trải nghiệm của cá nhân đối với nhiều phương diện của đời sống. Theo đó, sự hài lòng của cư dân về môi trường sống tự nhiên có thể được hiểu là mức độ đánh giá tích cực hoặc tiêu cực của họ đối với chất lượng môi trường tại nơi cư trú, bao gồm không khí, nguồn nước, hệ sinh thái, cảnh quan, cây xanh, không gian công cộng, mức độ tiếng ồn, vệ sinh và an toàn môi trường.

Môi trường sống bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Trong phạm vi bài viết này, môi trường sống tự nhiên được xem là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có quan hệ mật thiết, bao quanh con người và ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe, sự tồn tại và phát triển của con người cũng như sinh vật. Cách hiểu này phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trong đó môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội và sự phát triển của con người. Trong không gian đô thị, môi trường sống tự nhiên không tồn tại tách rời khỏi hoạt động quy hoạch, xây dựng và quản lý. Các thành tố như đất, nước, không khí, hệ sinh thái, mặt nước, cây xanh, công viên, hồ điều hòa và cảnh quan chịu tác động mạnh từ mật độ xây dựng, giao thông, đầu tư hạ tầng và năng lực quản trị địa phương.

Trên cơ sở đó, bài viết tiếp cận sự hài lòng của cư dân về môi trường sống tự nhiên như một chỉ báo tổng hợp phản ánh đồng thời chất lượng các điều kiện môi trường và hiệu quả của quy hoạch, quản lý, cung ứng dịch vụ công liên quan đến môi trường. Mức độ hài lòng không chỉ phụ thuộc vào mức ô nhiễm hay diện tích cây xanh theo nghĩa khách quan, mà còn chịu ảnh hưởng bởi khả năng tiếp cận của cư dân, mức độ an toàn, sự công bằng trong phân bổ không gian xanh, hiệu quả thu gom–xử lý chất thải và mức độ phản hồi của chính quyền đối với các vấn đề môi trường.

Khung lý luận của bài viết xác định năm nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự hài lòng của cư dân: (i) Chất lượng không khí; (ii) Cây xanh và không gian xanh công cộng; (iii) Chất lượng nguồn nước, vệ sinh môi trường và quản lý chất thải; (iv) Tiếng ồn và an toàn môi trường; và (v) Hiệu quả quy hoạch, quản lý môi trường. Các nhóm yếu tố này có quan hệ tương hỗ. Chẳng hạn, quy hoạch sử dụng đất và tổ chức giao thông có thể tác động đồng thời đến ô nhiễm không khí, tiếng ồn, khả năng duy trì không gian xanh và mức độ tiếp cận dịch vụ vệ sinh. Vì vậy, nâng cao sự hài lòng không thể chỉ dựa vào xử lý từng vấn đề riêng lẻ, mà cần một cách tiếp cận tích hợp giữa quy hoạch, đầu tư hạ tầng, kiểm soát ô nhiễm, cung ứng dịch vụ công và sự tham gia của cộng đồng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận, nhận diện đặc điểm của môi trường sống tự nhiên tại các đô thị Việt Nam và tổng hợp các nhóm yếu tố tác động

đến sự hài lòng của cư dân. Phân tích được thực hiện theo hướng tổng quan có hệ thống ở quy mô phù hợp với một bài viết lý luận. Các tài liệu được lựa chọn dựa trên ba tiêu chí: mức độ liên quan trực tiếp đến môi trường sống tự nhiên và sự hài lòng của cư dân; độ tin cậy của cơ quan công bố hoặc tạp chí xuất bản; và khả năng cung cấp bằng chứng cho bối cảnh Việt Nam hoặc các kinh nghiệm có thể tham chiếu. Trên cơ sở đó, bài viết phân loại, đối chiếu và tổng hợp thông tin theo năm nhóm yếu tố của khung lý luận. Cách làm này cho phép liên kết các bằng chứng về điều kiện môi trường khách quan với nhận thức, trải nghiệm và mức độ hài lòng chủ quan của cư dân.

Nghiên cứu có một số giới hạn. Do sử dụng dữ liệu thứ cấp, bài viết không đo lường trực tiếp mức độ hài lòng của cư dân theo địa bàn, nhóm thu nhập, giới tính, độ tuổi hoặc loại hình nhà ở; cũng không kiểm định quan hệ nhân quả giữa từng yếu tố môi trường và sự hài lòng. Vì vậy, các kết luận mang tính tổng hợp và gợi mở chính sách, không thay thế cho khảo sát thực địa hoặc mô hình định lượng.

3. Đặc điểm môi trường sống tự nhiên đô thị Việt Nam

Môi trường sống tự nhiên ở đô thị được hình thành và phát triển của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và gia tăng dân số. Tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam tăng nhanh, tạo ra những thay đổi lớn về không gian đô thị, dân cư và môi trường sống. Cùng với đó, Chính phủ cũng ban hành Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 2/4/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/1/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW. Theo xu hướng chung của quá trình đô thị hóa trên thế giới, Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh trong những năm gần đây đã hình thành đặc điểm của môi trường sống đô thị ở Việt Nam tương đồng với đặc điểm đô thị hóa trên thế giới.

Mật độ dân cư cao và tốc độ đô thị hóa nhanh. Quá trình mở rộng đô thị đặt ra nhu cầu sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển giao thông. Điều này tạo áp lực lớn lên tài nguyên thiên nhiên và hệ thống môi trường đô thị. Hệ quả là, môi trường sống đô thị không chỉ chịu ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tự nhiên mà còn chịu tác động đồng thời của các yếu tố kinh tế xã hội mang đậm tính liên ngành (Xuemei Bai và cộng sự, 2017). Trong giai đoạn 2010-2024, tỷ lệ đô thị hóa ở Việt Nam đã tăng từ 30,5% lên 44,3% (Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2026). Đô thị hóa diễn ra nhanh không chỉ gia tăng áp lực lên tài nguyên và hạ tầng đô thị mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng môi trường sống và mức độ hài lòng của người dân.

Không gian xanh và cảnh quan tự nhiên trong đô thị bị thu hẹp. Quá trình bê tông hóa làm giảm diện tích cây xanh, mặt nước và các khu sinh thái tự nhiên. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng điều hòa khí hậu mà còn làm giảm chất lượng môi trường sống và cơ hội tiếp cận không gian công cộng của người dân đô thị. Rezaei và Millard-Ball đã thực hiện nghiên cứu trên 462 thành phố, kết quả cho thấy, mật độ xây dựng cao thường đi kèm với mức tiếp cận không gian xanh thấp và mức phơi nhiễm bụi mịn PM2.5 cao hơn (Rezaei và Millard-Ball, 2023).

Môi trường sống đô thị mang tính nhân tạo cao. Phần lớn môi trường tự nhiên đô thị chịu sự tác động của con người bao gồm quy hoạch, xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị. Do đó, chất lượng môi trường sống phụ thuộc đáng kể vào năng lực quản lý đô thị và định hướng chính sách phát triển của mỗi địa phương. Theo Báo cáo của OECD và UN-Habitat khảo sát tại 78 quốc gia cho thấy, hơn 80% quốc gia đạt được những kết quả tích cực trong quản lý quá trình đô thị hóa và nâng cao khả năng chống chịu của đô thị nhờ triển khai hiệu quả Chính sách đô thị quốc gia. Chất lượng môi trường đô thị không chỉ phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên mà còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ năng lực quản trị và điều hành của chính quyền các cấp (OECD và UN-Habitat, 2024). Trong nghiên cứu của WHO đã chỉ ra sức khỏe và chất lượng sống của cư dân đô thị chịu một phần tác động từ quy hoạch và quản lý môi trường đô thị, bao gồm cả mở rộng không gian xanh, kiểm soát ô nhiễm, kiểm soát giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Những thay đổi về quy hoạch và quản lý không gian xanh có thể mang lại lợi ích về môi trường, sức khỏe và công bằng xã hội (WHO, 2016).

Môi trường đô thị có tính liên kết và tác động lan tỏa mạnh. Khi một vấn đề môi trường xảy ra tại một khu vực có thể nhanh chóng tác động đến các khu vực lân cận thông qua hệ thống giao thông, nguồn nước hoặc không khí. Điều này đặt ra yêu cầu quản lý môi trường đô thị phải được thực hiện đồng bộ, lâu dài và mang tính bền vững. Có khoảng 91% cư dân đô thị trên thế giới đang hít thở bầu không khí bị ô nhiễm, trong khi hơn 40% dân số đô thị vẫn chưa được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ vệ sinh an toàn. WHO cũng chỉ ra hệ thống giao thông đô thị được quy hoạch kém không chỉ làm gia tăng ô nhiễm không khí và tiếng ồn mà còn tạo điều kiện để các tác động môi trường lan rộng trong toàn đô thị (WHO, 2025).

Quá trình đô thị hóa là một trong những yếu tố quan trọng gây biến đổi môi trường toàn cầu. Do tính kết nối của hệ thống hạ tầng và các dòng vật chất, các vấn đề môi trường đô thị như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, ngập úng và biến đổi khí hậu có khả năng ảnh hưởng ngoài phạm vi một khu vực. Quản lý môi trường đô thị cần thực hiện theo hướng tích hợp, liên ngành và liên vùng nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát các vấn đề môi trường, thay vì xử lý riêng lẻ theo từng khu vực hoặc từng loại ô nhiễm (UNEP, 2021).

4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về môi trường sống tự nhiên của người dân đô thị

Sự hài lòng của người dân về môi trường sống tự nhiên là yếu tố quan trọng trong đời sống của người dân đô thị khi nhận thức của người dân về chất lượng môi trường sống ngày càng được nâng cao, như chất lượng không khí, không gian xanh, nguồn nước và mức độ an toàn của môi trường.

Một trong những yếu tố được người dân đô thị quan tâm là chất lượng không khí. Cùng với quá trình đô thị hóa nhanh thì tình trạng ô nhiễm không khí đặc biệt là bụi mịn ảnh hưởng đến sức khỏe, cũng như mức độ hài lòng của người dân. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), ngưỡng khuyến nghị đối với nồng độ PM_{2.5} trung bình năm chỉ là 5 $\mu\text{g}/\text{m}^3$, tuy nhiên phần lớn các đô thị trên thế giới đều vượt ngưỡng này, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển (WHO, 2026). Tại Việt Nam, ô nhiễm không khí đang trở thành một trong những thách thức môi trường tại các đô thị lớn. Theo WHO, nồng độ PM_{2.5} trung bình của các đô thị Việt Nam năm 2023 cao gần sáu lần so với khuyến nghị của WHO. Riêng Hà Nội thường xuyên nằm trong nhóm các thành phố có chất lượng không khí kém nhất thế giới vào mùa đông và đầu xuân. Ô nhiễm không khí không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe mà còn làm suy giảm chất lượng cuộc sống và mức độ hài lòng của người dân với môi trường sống đô thị (WHO, 2024).

Hệ thống cây xanh và không gian công cộng góp phần cải thiện môi trường đô thị, tạo không gian thư giãn và nâng cao sức khỏe tinh thần cho người dân. Theo WHO, không gian xanh góp phần giảm nhiệt độ bề mặt đô thị từ 1–5°C tùy theo quy mô và mật độ cây xanh, đồng thời cải thiện chất lượng không khí. Bên cạnh những lợi ích về môi trường, chúng còn tạo ra các không gian mở phục vụ hoạt động thể dục, giải trí, giao tiếp cộng đồng và nghỉ ngơi, qua đó nâng cao sức khỏe thể chất cũng như sức khỏe tinh thần của người dân. Người dân sống gần khu vực không gian xanh có xu hướng mức độ hài lòng hơn với cuộc sống và chất lượng sống, đồng thời giảm nguy cơ mắc các bệnh về tim mạch, béo phì và rối loạn tâm thần (WHO, 2016). Với các đô thị có mật độ xây dựng cao như Hà Nội, việc duy trì và mở rộng hệ thống công viên, hồ điều hòa và cây xanh không chỉ góp phần cải thiện điều kiện môi trường mà còn nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bảo đảm nước sạch và thu gom chất thải hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nguy cơ phát sinh dịch bệnh. Việc bảo đảm nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt, cùng với hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn hiệu quả, góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, ngăn ngừa sự phát sinh và lây lan của nhiều bệnh truyền nhiễm. Ước tính mỗi năm trên thế giới có khoảng 1,4 triệu người tử vong do sử dụng nước không an toàn, điều kiện vệ sinh kém và thiếu vệ sinh cá nhân. Chúng ta có thể phòng tránh được nếu cải thiện dịch vụ cấp nước và vệ sinh môi trường. Trong khi, khoảng 2,2 tỷ người trên thế giới chưa được tiếp cận với nguồn nước an toàn và khoảng 3,5 tỷ người chưa được tiếp cận với dịch vụ vệ sinh an toàn (UNCF& WHO, 2023).

Tiếng ồn từ phương tiện giao thông, xây dựng và hoạt động kinh doanh có thể gây ảnh hưởng đến tâm lý và đời sống của cư dân đô thị. Mức độ tiếng ồn và an toàn môi trường là một trong những yếu tố

quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống và sự hài lòng của cư dân đô thị. Tiếng ồn cũng làm gia tăng nguy cơ rối loạn giấc ngủ, căng thẳng tâm lý, suy giảm khả năng tập trung, bệnh tim mạch và giảm chất lượng cuộc sống. WHO khuyến nghị về tiếng ồn trung bình từ giao thông đường bộ không nên vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhằm hạn chế các tác động bất lợi đối với sức khỏe (WHO, 2011).

An toàn môi trường cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng mức độ hài lòng về chất lượng cuộc sống của người dân. Môi trường sống được cho là an toàn khi hạn chế được các nguy cơ đe dọa từ ô nhiễm môi trường, ngập úng, cháy nổ, cây xanh mất an toàn, tai nạn giao thông... Bởi ở đô thị có mật độ dân cư đông, việc bảo đảm môi trường yên tĩnh, sạch sẽ và an toàn không chỉ góp phần nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần mà còn tạo tâm lý an tâm, khuyến khích các hoạt động sinh hoạt, nghỉ ngơi và giao tiếp cộng đồng.

Chính sách quản lý môi trường, quy hoạch đô thị và đầu tư hạ tầng có vai trò quan trọng trong cải thiện mức độ hài lòng của người dân. Những yếu tố tự nhiên như chất lượng không khí, nguồn nước hay không gian xanh ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe và chất lượng cuộc sống, tuy nhiên để duy trì và vận hành hoạt động này lại phụ thuộc phần lớn vào hoạt động hiệu quả quản lý đô thị. Quản lý hiệu quả đô thị thể hiện ở các mặt như quy hoạch sử dụng đất hợp lý, kiểm soát phát triển đô thị, bảo vệ không gian xanh, đầu tư đồng bộ hạ tầng đô thị và thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường. Quy hoạch đô thị tốt sẽ hỗ trợ cân bằng giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, hạn chế tình trạng xây dựng tràn lan, quá tải hạ tầng và suy giảm không gian xanh, góp phần cải thiện chất lượng môi trường sống. Quản trị đô thị hiệu quả không chỉ phụ thuộc vào năng lực của chính quyền mà còn có sự tham gia của cộng đồng trong quá trình lập quy hoạch, giám sát và quản lý môi trường (OECD, 2020).

5. Kết luận

Quá trình đô thị hóa nhanh ở Việt Nam đang tạo ra nhiều cơ hội cho phát triển, đồng thời cũng đặt ra những thách thức với chất lượng môi trường sống tự nhiên tại đô thị. Môi trường sống tự nhiên không chỉ là điều kiện bảo đảm sức khỏe, an toàn và chất lượng cuộc sống của người dân mà còn là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của đô thị. Do đó, sự hài lòng của người dân về môi trường sống tự nhiên trở thành một chỉ báo phản ánh tính hiệu quả của công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị.

Nghiên cứu tập trung hệ thống hóa các vấn đề lý luận về sự hài lòng và môi trường sống tự nhiên, phân tích đặc điểm của môi trường sống tự nhiên trong bối cảnh đô thị hóa ở Việt Nam, đồng thời chỉ ra các nhóm yếu tố có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân. Các yếu tố được xem xét gồm chất lượng không khí; hệ thống cây xanh và không gian xanh công cộng; chất lượng nguồn nước và vệ sinh môi trường; mức độ tiếng ồn và an toàn môi trường; và hiệu quả quản lý đô thị. Đây là những thành tố có mối quan hệ tương hỗ, cùng định hình nhận thức và mức độ hài lòng của người dân đối với môi trường sống tại khu vực đô thị.

Nâng cao sự hài lòng của người dân không chỉ phụ thuộc vào cải thiện các điều kiện môi trường tự nhiên mà còn đòi hỏi sự đổi mới trong quản trị đô thị theo hướng tích hợp, lấy người dân làm trung tâm và bảo đảm sự tham gia của cộng đồng trong quá trình quy hoạch, giám sát và bảo vệ môi trường. Đầu tư đồng bộ cho hạ tầng đô thị, mở rộng và nâng cao chất lượng không gian xanh, kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn, bảo đảm nguồn nước sạch và tăng cường năng lực quản lý môi trường sẽ góp phần nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị.

Cùng với việc thực hiện các mục tiêu phát triển đô thị bền vững thì cần phải quan tâm đến sự hài lòng của người dân về môi trường sống tự nhiên là một trong những đánh giá quan trọng về chất lượng quản trị và phát triển đô thị. Lắng nghe ý kiến đánh giá từ người dân sẽ là cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và hoàn thiện các giải pháp quản lý môi trường, hướng tới xây dựng các đô thị Việt Nam xanh, an toàn, đáng sống hơn và hướng đến xây dựng đô thị bền vững.

Ghi chú: Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ cấp có sở “Sự hài lòng của người dân đô thị về môi trường sống tại thành phố Hà Nội”

Tài liệu tham khảo

1. Andrews, F. M. (1974). Social indicators of perceived life quality. *Social Indicators Research*, 1(3), 279–299. <https://doi.org/10.1007/BF00303860>
2. Bai, X., Dawson, R. J., Ürge-Vorsatz, D., Delgado, G. C., Salisu Barau, A., Dhakal, S., Dodman, D., Leonardsen, L., Masson-Delmotte, V., Roberts, D. C., & Schultz, S. (2017). Linking urbanization and the environment: Conceptual and empirical advances. *Annual Review of Environment and Resources*, 42, 215–240. <https://doi.org/10.1146/annurev-environ-102016-061128>
3. Campbell, A., Converse, P. E., & Rodgers, W. L. (1976). *The quality of American life: Perceptions, evaluations, and satisfactions*. Russell Sage Foundation.
4. Diener, E., Emmons, R. A., Larsen, R. J., & Griffin, S. (1985). The Satisfaction With Life Scale. *Journal of Personality Assessment*, 49(1), 71–75. https://doi.org/10.1207/s15327752jpa4901_13
5. Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2026). Đô thị hóa tại Việt Nam: Thực trạng, khuyến nghị giải pháp phát triển đô thị bền vững. *Tạp chí Công Thương*, (6). <https://tapchicongthuong.vn/do-thi-hoa-tai-viet-nam--thuc-trang--khuyen-nghi-giai-phap-phat-trien-do-thi-ben-vung-498846.htm>
6. Oliver, R. L. (1980). A cognitive model of the antecedents and consequences of satisfaction decisions. *Journal of Marketing Research*, 17(4), 460–469. <https://doi.org/10.1177/002224378001700405>
7. Organisation for Economic Co-operation and Development. (2020). *Cities in the world: A new perspective on urbanisation*. <https://www.oecd.org/cfe/cities-in-the-world-d0efcbda-en.htm>
8. Organisation for Economic Co-operation and Development, & UN-Habitat. (2024). *Global state of national urban policy 2024: Building resilience and promoting adequate, inclusive and sustainable housing*. https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2024/11/global-state-of-national-urban-policy-2024_67878a91/4db6994c-en.pdf
9. Rezaei, M., & Millard-Ball, A. (2023). Urban form and its impacts on air pollution and access to green space: A global analysis of 462 cities. *PLOS ONE*, 18(1), Article e0280694. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0280694>
10. United Nations Children's Fund, & World Health Organization. (2023). *Progress on household drinking water, sanitation and hygiene 2000–2022: Special focus on gender*. WHO/UNICEF Joint Monitoring Programme for Water Supply, Sanitation and Hygiene. <https://washdata.org/reports/jmp-2023-wash-households>
11. United Nations Environment Programme. (2021). *Global environment outlook 6 for cities: Towards green and just cities*. <https://www.unep.org/global-environment-outlook/geo-6-cities>
12. World Health Organization. (2011). *Burden of disease from environmental noise: Quantification of healthy life years lost in Europe*. WHO Regional Office for Europe. <https://iris.who.int/server/api/core/bitstreams/4c6945b7-497a-4043-9e6f-98d6774b3b61/content>
13. World Health Organization. (2016). *Global report on urban health: Equitable, healthier cities for sustainable development*. <https://iris.who.int/handle/10665/204715>
14. World Health Organization. (2024, June 5). *Tackle sources of air pollution to protect and promote health, development and productivity, say UN agencies in Viet Nam to mark World Environment Day*. <https://www.who.int/vietnam/news/commentaries/detail/tackle-sources-of-air-pollution-to-protect-and-promote-health--development-and-productivity--say-un-agencies-in-viet-nam-to-mark-world-environment-day-%285-june%29>
15. World Health Organization. (2025). *Urban health*. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/urban-health>
16. World Health Organization. (2026). *WHO ambient air quality database (version 8.0)*. <https://www.who.int/data/gho/data/themes/air-pollution/who-air-quality-database>